

Số:191/TTr-UBND

An Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN:

1. Cơ sở pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 và Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020, ngành y tế đã tổ chức triển khai thực hiện 08 dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh An Giang và đạt nhiều thành quả đáng ghi nhận, tình hình dịch bệnh được kiểm soát, các chỉ số sức khỏe ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Thông tư số 26/2018/TT-BTC đã không còn phù hợp.

Tại điểm g, h khoản 9 Điều 30 của Luật Ngân sách nhà nước quy định:

“Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

g) Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ;

h) Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.”

Tại khoản 2, 3 Điều 21 của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định:

“Điều 21. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách

2. Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ.

3. Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ ...”

Tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên...”

Nhằm tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025 theo đúng quy định, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra theo Kế hoạch số 48-KH/TU ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới và Kế hoạch số 49-KH/TU ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

Căn cứ các quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025 là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

Nhằm duy trì thực hiện tốt các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra theo Kế hoạch số 48-KH/TU và Kế hoạch số 49-KH/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “Về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới” và “Công tác dân số trong tình hình mới”.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Kiên trì, nhất quán trong thực hiện nội dung chi, mức chi đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025.

Xây dựng mức chi căn cứ vào thực tiễn triển khai hoạt động tại địa phương, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; quy định mức chi hợp lý, phù hợp với khả năng chi của ngân sách địa phương.

Nội dung về mức chi nhằm đảm bảo thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025 đúng quy định của pháp luật, góp phần duy trì và nâng cao sức khỏe cho nhân dân tỉnh An Giang.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Sở Y tế phối hợp với các đơn vị y tế trực thuộc xây dựng dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025 từ nguồn ngân sách địa phương.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, Sở Y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025 (tại Tờ trình số 4573/TTr-SYT).

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến đề xuất của các đơn vị y tế trực thuộc, Sở Y tế phát hành Công văn số 4621/SYT-KHTC ngày 16 tháng 12 năm 2022 lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Qua góp ý của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Sở Y tế tiếp thu và giải trình các ý kiến tại báo cáo giải trình và tiếp thu ý kiến, đồng thời điều chỉnh, bổ sung các nội dung cho phù hợp và đúng quy định, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025, Sở Y tế ban hành Công văn số 66/SYT-KHTC ngày 11 tháng 01 năm 2023 gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết theo quy định.

Theo Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai

đoạn 2023 - 2025 của Sở Tư pháp, Sở Y tế đã giải trình và tiếp thu các ý kiến thẩm định, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm có 02 phần:

a) Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều, cụ thể:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

b) Dự thảo Quy định gồm 03 Chương, 08 Mục, 22 Điều, cụ thể:

Chương I. Quy định chung

Chương II. Nội dung và mức chi chung

Chương III. Nội dung và mức chi của các dự án

Mục 1. Nội dung và mức chi của dự án 1 (phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến)

Mục 2. Nội dung và mức chi của dự án 2 (tiêm chủng mở rộng)

Mục 3. Nội dung và mức chi của dự án 3 (dân số và phát triển)

Mục 4. Nội dung và mức chi của dự án 4 (an toàn thực phẩm)

Mục 5. Nội dung và mức chi của dự án 5 (phòng, chống HIV/AIDS)

Mục 6. Nội dung và mức chi của dự án 6 (đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học)

Mục 7. Nội dung và mức chi của dự án 7 (quân dân y kết hợp)

Mục 8. Nội dung và mức chi của dự án 8 (theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế)

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025.

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025 từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn thu hợp pháp của đơn vị.

b) Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025 từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn thu hợp pháp của đơn vị.

c) Mức chi

Các nội dung cơ bản về mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025 được trình bày cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm của Tờ trình.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Trong giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh An Giang thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số căn cứ theo Quyết định số 1125/QĐ-TTg và Thông tư số 26/2018/TT-BTC. Qua đó đã thực hiện hiệu quả các hoạt động của Chương trình và đạt nhiều kết quả tốt trong công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

Từ năm 2020 đến nay, ngân sách Trung ương không còn phân bổ cho Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang, việc triển khai thực hiện các hoạt động đều do nguồn ngân sách tỉnh đảm bảo.

Để đảm bảo triển khai thực hiện theo đúng quy định, cũng như tạo điều kiện khuyến khích tinh thần cộng tác của nhân viên y tế, cộng tác viên, ..., đối với mức chi cho các dự án đề xuất áp dụng bằng với mức chi được hướng dẫn tại Thông tư số 26/2018/TT-BTC, trong đó có một số nội dung điều chỉnh so với quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BTC để phù hợp với tình hình thực tế tại tỉnh An Giang (chi tiết đính kèm tại Phụ lục 2).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 171/TTr-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2023)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. TU, UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: HCTC.

(Đính kèm: dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Báo cáo giải trình và tiếp thu ý kiến thẩm định và góp ý của các sở ngành, UBND các huyện/thị/thành phố; văn bản góp ý các sở ngành, UBND các huyện/thị/thành phố)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Phước

Phụ lục 1

QUY ĐỊNH

**Mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số
trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025**
(Kèm theo Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình) từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn thu hợp pháp của đơn vị.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn thu hợp pháp của đơn vị.

Chương II NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHUNG

Điều 2. Chi hỗ trợ người cho và lấy mẫu xét nghiệm theo quy định về chuyên môn y tế để xác định các bệnh thuộc Chương trình (riêng đối với dự án Tiêm chủng mở rộng chỉ áp dụng đối với các bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, lao và bại liệt) trong các cuộc điều tra, thanh tra, kiểm tra, giám sát

1. Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu (trừ mẫu dịch não tủy): 7.000 đồng/mẫu.

2. Chi hỗ trợ người lấy mẫu dịch não tủy: 30.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ người cho mẫu máu tĩnh mạch: 30.000 đồng/mẫu, người cho mẫu máu mao mạch: 10.000 đồng/mẫu.

Điều 3. Chi tổ chức tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung Chương trình

1. Chi hỗ trợ người thực hiện tư vấn là cộng tác viên, nhân viên y tế khóm, ấp: Mức chi tối đa 600.000 đồng/buổi.

2. Trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, lao kháng thuốc, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: Mức hỗ trợ người thực hiện tư vấn: 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng. Số lượng người tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số quyết định.

3. Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng: Cán bộ tư vấn được bồi dưỡng theo đối tượng tư vấn với mức 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng. Riêng tư vấn về an toàn thực phẩm: Mức chi 30.000 đồng/cơ sở được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 450.000 đồng/người tư vấn/tháng.

Điều 4. Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc, chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng đối với các bệnh, các hoạt động thuộc các dự án của Chương trình (bao gồm cả lồng ghép khám bệnh, chữa bệnh với khắc phục hậu quả thiên tai và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn thuộc phạm vi dự án Quân dân y kết hợp. Riêng đối với dự án Tiêm chủng mở rộng chỉ thực hiện đối với các bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, thương hàn, lao, bại liệt) (sau đây viết tắt là khám sàng lọc) ngoài chế độ công tác phí hiện hành

1. Trường hợp là người đang hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước

a) Người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sỹ, y sỹ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm): Mức hỗ trợ là 125.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới (sau đây viết tắt là xã ĐBK); 90.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã, phường, thị trấn còn lại.

b) Đối tượng khác (bao gồm y sỹ, y tá, điều dưỡng, nhân viên tổ y tế) trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức hỗ trợ 65.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã ĐBK; 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã, phường, thị trấn còn lại.

2. Trường hợp là người không hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước

a) Người trực tiếp khám, xét nghiệm: Mức hỗ trợ bằng 1,3 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

b) Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc (bao gồm cộng tác viên, tổ tự quản khóm, ấp): Mức hỗ trợ bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

3. Người tham gia khám sàng lọc chỉ được hưởng 01 mức hỗ trợ theo quy định tại Điều này hoặc theo quy định về nội dung chi riêng của dự án, hoạt động của Chương trình (nếu có).

Điều 5. Chi hỗ trợ cộng tác viên y tế, dân số tại xã, phường, thị trấn

1. Mức hỗ trợ cộng tác viên y tế

a) Đối với xã, phường, thị trấn trọng điểm, xã ĐBK: 200.000 đồng/người/tháng/dự án (dự án 2, dự án 4, dự án 5, dự án 6, dự án 7) hoặc 01 bệnh của dự án 1 hoặc 01 hoạt động của dự án 3 Quy định này.

b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 150.000 đồng/người/tháng/dự án (dự án 2, dự án 4, dự án 5, dự án 6, dự án 7) hoặc 01 bệnh của dự án 1 hoặc 01 hoạt động của dự án 3 Quy định này.

Trường hợp cộng tác viên của nhiều dự án (dự án 2, 4, 5, 6, 7) hoặc nhiều bệnh của dự án 1 hoặc hoạt động của dự án 3 thì cứ mỗi dự án hoặc 01 bệnh/hoạt động tăng thêm, cộng tác viên được hỗ trợ thêm 50.000 đồng/tháng.

2. Mức hỗ trợ cộng tác viên dân số: 200.000 đồng/người/tháng.

Điều 6. Chi hỗ trợ cơ sở y tế xây dựng, triển khai mô hình quản lý, phát hiện và ghi nhận bệnh nhân các bệnh không lây nhiễm (gồm bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, tai biến mạch não/đột quỵ não, nhồi máu cơ tim, ung thư, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, hen phế quản, sức khỏe tâm thần) theo quy định của Bộ Y tế

Mức chi: 200.000 đồng/bệnh/cơ sở y tế/tháng để thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

1. Lập phiếu đánh giá nguy cơ bệnh, lập phiếu ghi nhận, lập bảng phỏng vấn bệnh nhân (nếu có).

2. Lập hồ sơ bệnh án hoặc sổ theo dõi định kỳ bệnh nhân theo yêu cầu của Chương trình.

3. Tư vấn phòng, chống các bệnh không lây nhiễm (bao gồm cả hướng dẫn về tuân thủ điều trị và tư vấn chăm sóc sức khỏe).

Chương III

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CỦA CÁC DỰ ÁN

Mục 1

**NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CỦA DỰ ÁN 1
(PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ BỆNH TRUYỀN NHIỄM NGUY HIỂM VÀ
CÁC BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM PHỔ BIẾN)**

Điều 7. Hoạt động phòng, chống phong

1. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí hiện hành: Mức hỗ trợ như sau:

a) Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6 - 9 tháng: 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

b) Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12 - 18 tháng: 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

2. Bệnh nhân phong thuộc hộ nghèo được hỗ trợ

a) Dụng cụ phục hồi chức năng cho bệnh nhân phong bị khuyết tật theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy định này.

b) Trường hợp bệnh nhân nạo vét lỗ đáo điều trị tại trạm y tế xã, cơ sở y tế khu vực được hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ tối đa 20 ngày.

3. Chi hỗ trợ cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán

a) Bệnh nhân ở xã ĐBKK: 300.000 đồng/bệnh nhân.

b) Bệnh nhân ở các xã, phường, thị trấn còn lại: 200.000 đồng/bệnh nhân.

Điều 8. Hoạt động phòng, chống lao

1. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học) tại cộng đồng: 30.000 đồng/bệnh nhân lao, lao kháng thuốc có bằng chứng vi khuẩn học.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế xã trực tiếp khám và vận chuyển mẫu đờm của người nghi mắc bệnh lao tới tổ chống lao tuyến huyện

a) Đối với xã ĐBKK: 50.000 đồng/xã/tháng.

b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 30.000 đồng/xã/tháng.

3. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát, theo dõi biến cố bất lợi, tư vấn tuân thủ điều trị bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian theo hướng dẫn của Bộ Y tế (dự án Phòng, chống lao quốc gia)

a) Đối với xã ĐBKK: 170.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6 - 8 tháng; 150.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 200.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 - 11 tháng hoặc 400.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 18 - 20 tháng.

b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6 - 8 tháng; 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 150.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 - 11 tháng hoặc 300.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 18 - 20 tháng.

Điều 9. Hoạt động phòng, chống sốt rét

1. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt rét tại gia đình

a) Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh (muỗi Anopheles): 5.000 đồng/mẫu.

b) Xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm): 600.000 đồng/mẫu.

c) Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt rét (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu.

d) Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi: 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng.

3. Chi hỗ trợ người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm: 130.000 đồng/người/đêm.

4. Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 10. Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết

1. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt xuất huyết tại gia đình

a) Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh (muỗi Aedes aegypti và Aedes albopictus): 5.000 đồng/mẫu.

b) Xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm): 600.000 đồng/mẫu.

c) Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu.

d) Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

2. Hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút, người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi, người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch như sau:

a) Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút: 40.000 đồng/mẫu.

b) Chi **hỗ trợ** người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

c) Chi hỗ trợ cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình): 3.000 đồng/hộ/lần, mức hỗ trợ một ngày tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 11. Bảo vệ sức khỏe tâm thần

1. Chi phát hiện, quản lý và điều trị sớm cho bệnh nhân tâm thần

Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi.

2. Hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình, hỗ trợ nhân viên y tế khám, áp tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng: Mức hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình: 150.000 đồng/xã, phường, thị trấn/tháng.

b) Hỗ trợ nhân viên y tế khám, áp tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng: 20.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở khu vực đồng bằng và thành thị, 25.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở khu vực miền núi nhưng tối đa 100.000 đồng/khóm, áp/tháng.

Điều 12. Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt

Chi hỗ trợ cán bộ y tế trong đợt khám sàng lọc, chiến dịch:

1. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: 20.000 đồng/mẫu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu: Mức chi 5.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt 2.000 đồng/mẫu.

4. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát 10.000 đồng/người được khám.

5. Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu: 10.000 đồng/người.

Điều 13. Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản

Chi hỗ trợ cán bộ y tế cơ sở hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng: Mức hỗ trợ là 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/cán bộ y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

Mục 2
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CỦA DỰ ÁN 2
(TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG)

Điều 14. Dự án Tiêm chủng mở rộng

1. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 8 liều theo quy định của Chương trình

a) Đối với xã ĐBK: 24.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (trương đương 3.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin).

b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 12.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (trương đương 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin).

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm BCG (vắc xin phòng ngừa bệnh lao) tại các bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: IPV (vắc xin bại liệt bất hoạt), viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 (vắc xin bạch hầu - ho gà - uốn ván) cho trẻ 18 tháng tuổi; các vắc xin mới; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung

a) Đối với xã ĐBK: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).

b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).

3. Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ

a) Đối với xã ĐBK: 2.000 đồng/mũi.

b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 1.000 đồng/mũi.

4. Chi giám sát, điều tra một trường hợp liệt mềm cấp từ ngày phát hiện bệnh đến ngày thứ 60, lấy và chuyển bệnh phẩm theo quy định

a) Đối với xã ĐBK: 520.000 đồng/ca bệnh.

b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 400.000 đồng/ca bệnh.

5. Chi giám sát, điều tra một trường hợp nghi uốn ván sơ sinh, nghi sởi, nghi rubella, nghi viêm não Nhật Bản, chết sơ sinh từ ngày phát hiện ca bệnh, điều tra và hoàn thành phiếu điều tra theo quyết định của cấp có thẩm quyền

a) Đối với xã ĐBK: 300.000 đồng/ca bệnh.

b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 150.000 đồng/ca bệnh.

Mục 3
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CỦA DỰ ÁN 3
(DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN)

Điều 15. Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (sau đây viết tắt là KHHGD)

1. Chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản
 - a) Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại khóm, ấp đặc biệt khó khăn; xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới.
 - b) Mức hỗ trợ: 600.000 đồng/người tự nguyện triệt sản.
2. Chi cập nhật thông tin về Dân số - KHHGD của hộ gia đình vào sổ ghi chép ban đầu (sổ Ao). Nội dung chi bao gồm:
 - a) Chi in phiếu thu tin: 15 phiếu/địa bàn/năm. Giá in theo giá thực tế tại thời điểm thực hiện.
 - b) Chi cập nhật thông tin biến động vào sổ ghi chép ban đầu và phiếu thu tin: 5.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới.
 - c) Chi phí thẩm định phiếu thu tin biến động: 500 đồng/phiếu thu tin.
 - d) Chi phí cập nhật thông tin biến động từ phiếu thu tin vào kho dữ liệu: 1.000 đồng/phiếu thu tin.
3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cấp xã chăm sóc người tự nguyện triệt sản tại nhà sau phẫu thuật (nếu có): 50.000 đồng/người tự nguyện triệt sản.

Điều 16. Chi hỗ trợ người khuyết tật thuộc hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật dưới 6 tuổi (sau đây gọi chung là người khuyết tật) tham gia mô hình phục hồi chức năng

1. Chi hỗ trợ dụng cụ chỉnh hình (nếu có): 650.000 đồng/bệnh nhân.
2. Chi hỗ trợ dụng cụ tập phục hồi chức năng phù hợp với người khuyết tật: 1.300.000 đồng/bệnh nhân.

Điều 17. Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

1. Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: 6.000 đồng/người.
2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng
 - a) Đối với xã ĐBKK: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).
 - b) Đối với xã, phường, thị trấn còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

Mục 4

**NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CỦA DỰ ÁN 4
(AN TOÀN THỰC PHẨM)**

Điều 18. Dự án An toàn thực phẩm (sau đây viết tắt là ATTP)

1. Chi triển khai kỹ thuật và thẩm định phương pháp thử; triển khai phương pháp thử nghiệm quốc tế, khu vực, đánh giá chất lượng phòng kiểm nghiệm

a) Chi thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng. Nội dung và mức chi bao gồm:

Chi xây dựng đề cương dự kiến chương trình thử nghiệm: 1.000.000 đồng/đề cương;

Tổng hợp, xử lý kết quả phân tích của các phòng kiểm nghiệm: 1.000.000 đồng/báo cáo.

b) Chi chuẩn hóa phòng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 đối với các cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm:

Xây dựng, chuẩn hóa phương pháp thử ISO: 500.000 đồng/phương pháp thử;

Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày, tối đa 500.000 đồng/người/tháng.

c) Chi đánh giá nội bộ tối đa 2 lần/năm:

Chi xây dựng đề cương đánh giá nội bộ: 1.000.000 đồng/đề cương;

Tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá nội bộ: 1.000.000 đồng/báo cáo;

Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa tài liệu, giám sát đánh giá nội bộ: 200.000 đồng/cán bộ/đợt đánh giá; tối đa 5 cán bộ/đợt đánh giá.

2. Chi phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm

a) Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm.

b) Chi hỗ trợ cho người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ hỗ trợ này):

Tại khu vực lũ lụt, thiên tai, thảm họa, ổ bệnh dịch truyền qua thực phẩm: Mức chi 130.000 đồng/người/ngày;

Tại các khu vực, địa điểm khác: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

c) Chi soạn thảo đề cương xây dựng mô hình điểm về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố; bếp ăn tập thể tại địa phương: 1.000.000 đồng/đề cương.

Mục 5
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CỦA DỰ ÁN 5
(PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS)

Điều 19. Dự án Phòng, chống HIV/AIDS

1. Chi hỗ trợ đối tượng nguy cơ cao cho mẫu máu, bệnh phẩm xét nghiệm phát hiện HIV/AIDS: 30.000 đồng/mẫu.

2. Chi triển khai can thiệp giảm tác hại và dự phòng lây nhiễm HIV

a) Chi hỗ trợ cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 1.300.000 đồng/người/tháng. Nhân viên tiếp cận cộng đồng đưa được đối tượng nguy cơ cao đi xét nghiệm có kết quả dương tính hoặc điều trị thuốc kháng HIV thì được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng, nhưng tối đa 600.000 đồng/tháng. Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng chế độ hỗ trợ từ nguồn kinh phí Chương trình và ngược lại.

b) Chi hỗ trợ sinh hoạt nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng hàng tháng: Hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng: 10.000 đồng/thành viên/tháng, tối đa 1.200.000 đồng/nhóm/năm.

c) Chi thăm hỏi khi thành viên trong nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng bị ốm đau: 100.000 đồng/lần, tối đa 3 lần/năm.

d) Trợ cấp một lần đối với thành viên tuyên truyền viên đồng đẳng có nhiều thành tích đóng góp trong công tác phòng, chống HIV/AIDS có hoàn cảnh khó khăn: 200.000 đồng/thành viên.

Số lượng nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ, số nhóm và số lượng thành viên nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng do thủ trưởng cơ quan chuyên môn về y tế tại địa phương quyết định phù hợp với thực tế của địa phương.

3. Chi hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con

a) Hỗ trợ chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội cho người nhiễm HIV do tai nạn nghề nghiệp, rủi ro của kỹ thuật y tế, người dân có nguy cơ rủi ro lây nhiễm HIV khi tham gia cứu nạn, phòng tội phạm, phụ nữ mang thai, trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK (trừ đối tượng đã được cơ quan bảo hiểm xã hội thanh toán chi phí khám chữa bệnh từ nguồn quỹ Bảo hiểm y tế hoặc được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) với mức hỗ trợ là 200.000 đồng/người/năm.

b) Hỗ trợ tình nguyện viên tham gia chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV tại cộng đồng ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK: Mức hỗ trợ 350.000 đồng/người/tháng. Số lượng tình nguyện viên do thủ trưởng cơ quan

chuyên môn y tế cấp tỉnh quyết định phù hợp với số lượng người nhiễm HIV/AIDS cần được chăm sóc, điều trị trên địa bàn tỉnh.

Mục 6
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CỦA DỰ ÁN 6
(ĐẢM BẢO MÁU AN TOÀN VÀ PHÒNG, CHỐNG
MỘT SỐ BỆNH LÝ HUYẾT HỌC)

Điều 20. Dự án Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học

1. Chi thực hiện chương trình ngoại kiểm xét nghiệm sàng lọc đơn vị máu bảo đảm an toàn truyền máu phòng, ngừa lây nhiễm HBV (viêm gan B), HCV (viêm gan C), HIV, giang mai

a) Chi thu thập tài liệu, nhập liệu, tổng hợp phân tích kết quả và viết báo cáo: 150.000 đồng/đơn vị.

b) Cập nhật tài liệu, quy trình chất lượng liên quan đến chương trình ngoại kiểm (EQAS: External Quality Assessment): 500.000 đồng/quy trình.

c) Chi hỗ trợ người xây dựng và bảo quản ngân hàng mẫu: 10.000 đồng/mẫu.

d) Chi hỗ trợ người điều chế và xét nghiệm bộ mẫu: 100.000 đồng/mẫu.

2. Về hỗ trợ hoạt động xây dựng lực lượng hiến máu dự bị để xây dựng ngân hàng máu sống: Hỗ trợ kinh phí lập kế hoạch, chương trình, viết báo cáo: Tối đa 500.000 đồng đối với cấp xã, huyện; 1.000.000 đồng đối với cấp tỉnh.

Mục 7
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CỦA DỰ ÁN 7
(QUÂN DÂN Y KẾT HỢP)

Điều 21. Dự án Quân dân y kết hợp

Chi hỗ trợ công tác huấn luyện, diễn tập lực lượng y tế cơ động nhằm đáp ứng yêu cầu can thiệp nhanh trong các tình huống khẩn cấp: Mức chi 200.000 đồng/người/ngày.

Mục 8
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CỦA DỰ ÁN 8
(THEO DÕI, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH VÀ TRUYỀN THÔNG Y TẾ)

Điều 22. Chi tổ chức mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép

1. Hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 40.000 đồng/người/ngày.

2. Bồi dưỡng người trực tiếp tham gia chiến dịch: 50.000 đồng/người/ngày. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ truyền thông quyết định số lượng người tham gia chiến dịch trong phạm vi dự toán được giao.

3. Bồi dưỡng phát thanh viên: 100.000 đồng/người/ngày./.

Phụ lục 2

BẢNG TỔNG HỢP NỘI DUNG ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

TT	Hướng dẫn tại Thông tư 26/2018/TT-BTC	Đề xuất điều chỉnh tại Nghị quyết HĐND	Lý giải
I	Chương II. NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHUNG	Chương II. NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHUNG	
	Khoản 10, điều 4 Chi mua thuốc, mẫu thực phẩm, phương tiện tránh thai, trang thiết bị y tế, sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ, vật dụng đặc thù, trang thiết bị (đào tạo, truyền thông, tin học và quản lý) dùng cho hoạt động chuyên môn của từng Dự án thuộc chương trình (bao gồm cả mua phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn để học viên thực hành lâm sàng và tiền lâm sàng (nếu có)) Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.	Điều 2. Chi mua thuốc, mẫu thực phẩm, phương tiện tránh thai, trang thiết bị y tế, vật tư y tế, bơm kim tiêm và hộp an toàn (phục vụ cho Tiêm chủng mở rộng), sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ, vật dụng đặc thù, trang thiết bị (đào tạo, truyền thông, tin học và quản lý) dùng cho hoạt động chuyên môn của từng Dự án thuộc chương trình (bao gồm cả mua phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn để học viên thực hành lâm sàng và tiền lâm sàng (nếu có)) Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.	Bổ sung thêm chi mua vật tư y tế, bơm kim tiêm và hộp an toàn (phục vụ cho Tiêm chủng mở rộng). Vì vật tư tiêu hao chưa bao gồm vật tư y tế.
	Khoản 18, điều 4 a) Trường hợp tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn tập trung: - Chi thù lao người thực hiện tư vấn: Mức chi theo quy định tại	Điều 8. Chi tổ chức tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về	Nội dung 1. Căn cứ điểm a, khoản 18, Điều 4 Thông tư số 26/2018/TT-BTC, chi thù lao người thực hiện tư vấn, mức chi theo quy định tại Điểm 1.1, Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC. Trường hợp báo cáo

TT	Hướng dẫn tại Thông tư 26/2018/TT-BTC	Đề xuất điều chỉnh tại Nghị quyết HĐND	Lý giải
	<p>Điểm 1.1, Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC. Trường hợp báo cáo viên là cộng tác viên, nhân viên y tế thôn bản: Áp dụng mức chi cho giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống;</p> <p>b) Riêng trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.</p> <p>Thù lao người thực hiện tư vấn: 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng. Số lượng người tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số tại địa phương quyết định.</p>	<p>nội dung chương trình</p> <p>1. Trường hợp tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn tập trung</p> <p>b) Chi hỗ trợ người thực hiện tư vấn là cộng tác viên, nhân viên y tế khóm, ấp: Mức chi tối đa 600.000 đồng/buổi.</p> <p>2. Trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, lao kháng thuốc, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế</p> <p>Mức hỗ trợ người thực hiện tư vấn: 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng. Số lượng người tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số tại địa phương quyết định theo hướng dẫn cụ thể từng dự án của Bộ Y tế.</p>	<p>viên là cộng tác viên, nhân viên y tế thôn bản: Áp dụng mức chi cho giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống. Do đó, tại Nghị quyết này, áp dụng mức hỗ trợ người thực hiện tư vấn là cộng tác viên, nhân viên y tế khóm, ấp tương đồng theo Thông tư 26.</p> <p>Nội dung 2.</p> <p>Thực hiện Quyết định số 2760/QĐ-BYT ngày 03/6/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành cập nhật hướng dẫn điều trị Lao kháng thuốc. Theo quy định lại mục 2.5 trong Nguyên tắc quản lý điều trị lao kháng thuốc thì “Thầy thuốc cần tư vấn đầy đủ cho người bệnh trước, trong và sau khi điều trị để người bệnh thực hiện tốt liệu trình theo quy định.”</p> <p>Trên thực tế, tại An Giang việc cấp thuốc lao kháng thuốc cho bệnh nhân cấp hàng ngày trong suốt phát đồ điều trị kèm theo việc tư vấn hướng dẫn người bệnh nhằm điều trị, chăm sóc, hỗ trợ tâm lý để người bệnh duy trì hoàn thành điều trị. Trên cơ sở đó đề xuất thêm chi tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở quản lý, điều trị lao kháng thuốc thực hiện theo mức chi trên nhằm động viên tinh thần làm việc của nhân viên y tế trên địa bàn tỉnh, góp phần làm giảm gánh nặng bệnh lao.</p>
	Khoản 21 Điều 4	Điều 10. Chi hỗ trợ cộng tác viên y tế, dân số	Đề xuất mức hỗ trợ cho cộng tác viên dân số là 200.000 đồng/người/tháng nhằm động viên tinh thần

TT	Hướng dẫn tại Thông tư 26/2018/TT-BTC	Đề xuất điều chỉnh tại Nghị quyết HĐND	Lý giải
	<p>21. Chi thù lao công tác viên y tế, dân số tại xã, phường, thị trấn:</p> <p>a) Đối tượng (nhân viên y tế thôn bản hoặc đối tượng khác) và số lượng công tác viên của từng xã: Thủ trưởng cơ quan y tế, dân số tại địa phương quyết định đối với các dự án, hoạt động bắt buộc phải có công tác viên thường xuyên;</p> <p>b) Mức hỗ trợ công tác viên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với xã, phường, thị trấn trọng điểm, xã ĐBK: 200.000 đồng/người/tháng/dự án (Dự án 2, 4, 5, 6, 7) hoặc 01 bệnh của Dự án 1 hoặc 01 hoạt động của Dự án 3; - Đối với các xã còn lại: 150.000 đồng/người/tháng/dự án (Dự án 2, 4, 5, 6, 7) hoặc 01 bệnh của Dự án 1 hoặc 01 hoạt động của Dự án 3; <p>Trường hợp công tác viên của nhiều dự án (Dự án 2, 4, 5, 6, 7) hoặc nhiều bệnh của Dự án 1 hoặc hoạt động của Dự án 3 thì cứ mỗi dự án hoặc 01 bệnh/hoạt động tăng thêm, công tác viên được hỗ trợ</p>	<p>tại xã, phường, thị trấn</p> <p>1. Mức hỗ trợ công tác viên y tế</p> <p>a) Đối với xã, phường, thị trấn trọng điểm, xã ĐBK: 200.000 đồng/người/tháng/dự án (dự án 2, dự án 4, dự án 5, dự án 6, dự án 7) hoặc 01 bệnh của dự án 1 hoặc 01 hoạt động của dự án 3 Quy định này.</p> <p>b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 150.000 đồng/người/tháng/dự án (dự án 2, dự án 4, dự án 5, dự án 6, dự án 7) hoặc 01 bệnh của dự án 1 hoặc 01 hoạt động của dự án 3 Quy định này.</p> <p>Trường hợp công tác viên của nhiều dự án (dự án 2, 4, 5, 6, 7) hoặc nhiều bệnh của dự án 1 hoặc hoạt động của dự án 3 thì cứ mỗi dự án hoặc 01 bệnh/hoạt động tăng thêm, công tác viên được hỗ trợ thêm 50.000 đồng/tháng.</p> <p>2. Mức hỗ trợ công tác viên dân số: 200.000 đồng/người/tháng.</p>	<p>làm việc của công tác viên dân số trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương “Về công tác dân số trong tình hình mới”.</p>

TT	Hướng dẫn tại Thông tư 26/2018/TT-BTC	Đề xuất điều chỉnh tại Nghị quyết HĐND	Lý giải
	thêm 50.000 đồng/tháng.		
II	Chương III. NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẠC THÙ CỦA CÁC DỰ ÁN	Chương III. NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẠC THÙ CỦA CÁC DỰ ÁN	
	Điểm c, khoản 2, điều 5 Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian theo hướng dẫn của Bộ Y tế (Dự án phòng, chống lao quốc gia)	Điều 13. Hoạt động phòng, chống lao 3. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát, theo dõi biến cố bất lợi, tư vấn tuân thủ điều trị bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian theo hướng dẫn của Bộ Y tế (Dự án phòng, chống lao quốc gia)	Thực hiện Quyết định số 2760/QĐ-BYT ngày 03/6/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành cập nhật hướng dẫn điều trị Lao kháng thuốc. Trên cơ sở đó đề xuất bổ sung “theo dõi biến cố bất lợi, tư vấn tuân thủ điều trị bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc”.
	Khoản 5 Điều 5	Điều 16. Bảo vệ sức khỏe tâm thần Đề nghị thay thế “Nhân viên y tế thôn bản” bằng cụm từ “Nhân viên y tế khóm, ấp” .	Tại Điều 1 Thông tư số 07/2013/TT-BYT ngày 08/3/2013 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn, bản, <i>Nhân viên y tế thôn, bản bao gồm nhân viên y tế thôn, bản, ấp, buôn, làng, phum, sóc.</i> Tỉnh An Giang có 888 khóm, ấp, hoạt động phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng của nhân viên y tế khóm, ấp thực hiện như nhau. Tuy nhiên, nếu theo quy định trên thì nhân viên y tế khóm KHÔNG được tiền hỗ trợ từ dự án. Để đảm bảo công bằng, kích lệ tinh thần làm việc chung, nên đề xuất điều chỉnh “nhân viên y tế thôn bản” thành “nhân viên y tế khóm, ấp”
	Khoản 2, điều 6	Điều 20. Dự án Tiêm chủng mở rộng	Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ về lộ trình tăng số lượng vắc xin trong

TT	Hướng dẫn tại Thông tư 26/2018/TT-BTC	Đề xuất điều chỉnh tại Nghị quyết HĐND	Lý giải
	Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 (vắc xin bạch hầu - ho gà - uốn ván) cho trẻ 18 tháng tuổi; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung	2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm BCG (vắc xin phòng ngừa bệnh lao) tại các bệnh viện; tiêm một trong các loại vắc xin: IPV (vắc xin bại liệt bất hoạt), viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 (vắc xin bạch hầu - ho gà - uốn ván) cho trẻ 18 tháng tuổi; các vắc xin mới; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung	chương trình Tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021-2030. Trong đó có các vắc xin mới ngoài chương trình tiêm chủng mở rộng hiện nay như vắc xin phòng bệnh do virus Rota, phòng bệnh phế cầu, phòng ung thư cổ tử cung, phòng cúm. Trên cơ sở đó xin đề xuất thêm Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm đối với các vắc xin mới này theo đúng lộ trình đề ra tại Nghị quyết 104/NQ-CP.
	Khoản 3 Điều 6 3. Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ: a) Đối với xã ĐBK: 4.000 đồng/người được tiêm đủ liều; b) Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều.	Điều 20. Dự án Tiêm chủng mở rộng 3. Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ a) Đối với xã ĐBK: 2.000 đồng/mũi. b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 1.000 đồng/mũi.	Tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ, tương đương với tiêm đủ 2 mũi. Tuy nhiên, trong thực tế, nhiều trường hợp tiêm 2 mũi ở 2 nơi khác nhau, do đó để thuận tiện trong việc thanh quyết toán, hỗ trợ cho cán bộ tiêm ngừa, đề xuất mức chi cho mỗi mũi tiêm.
	Điểm a Khoản 1 Điều 7 1. Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (KHHGD): a) Chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản: - Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối	Điều 21. Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (sau đây viết tắt là KHHGD) 1. Chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản a) Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại khóm, ấp đặc biệt khó khăn; xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới.	Công văn Số: 146/BYT-TCDS V/v hướng dẫn đối tượng sử dụng gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí . - Đối tượng miễn phí thực hiện gói dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh cơ bản là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội; người dân tại thôn đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng dân tộc thiểu số

TT	Hướng dẫn tại Thông tư 26/2018/TT-BTC	Đề xuất điều chỉnh tại Nghị quyết HĐND	Lý giải
	<p>tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại xã thuộc tỉnh có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con; người làm việc trên biển từ 15 ngày trở lên;</p> <p>- Mức hỗ trợ: 300.000 đồng/người tự nguyện triệt sản;</p>	<p>b) Mức hỗ trợ: 600.000 đồng/người tự nguyện triệt sản.</p>	<p>và miền núi, biên giới, hải đảo; vùng nhiễm chất độc dioxin).</p> <p>+ Về đối tượng miễn phí trong chương trình dân số: Hiện nay ở An Giang tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn cao (8,3%), đa số ở hộ nghèo, cận nghèo; người dân sống ở khu vực khó khăn; xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới. Vì thế để thực hiện giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên trong giai đoạn 2022-2025 đề xuất mở rộng đối tượng được hưởng chính sách dân số và cũng để thống nhất với các chương trình khác trong hoạt động công tác dân số (Chương trình Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;</p> <p>- Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 29/03/2012 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 (Phần thứ hai. Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam từ nay đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 tỉnh An Giang, Phần V. Kế hoạch kinh phí thực hiện chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2015 tỉnh An Giang, Mục 7. Dự án 1 phần kinh phí địa phương chi hỗ trợ cho đối tượng triệt sản giai đoạn 2011-2015 là 300.000đ).</p> <p>Công tác vận động đối tượng tự nguyện triệt sản gặp rất nhiều khó khăn, ngoài công tác tuyên truyền chính</p>

TT	Hướng dẫn tại Thông tư 26/2018/TT-BTC	Đề xuất điều chỉnh tại Nghị quyết HĐND	Lý giải
			sách dân số và cung cấp kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản bên cạnh đó cần hỗ trợ kinh phí để khuyến khích họ tự nguyện triệt sản vì cơ bản đối tượng này là hộ nghèo, cận nghèo nên đề xuất mức hỗ trợ 600.000 đồng để bồi dưỡng cho đối tượng sau triệt sản không tham gia lao động được, phải nghỉ dưỡng sức.
	Thực hiện tại Điều 7 khoản g theo Thông tư số 26/2018/TT-BTC, ngày 21/3/2018 của Bộ Tài Chính	<p>Điều 21. Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (sau đây viết tắt là KHHGD)</p> <p>6. Hoạt động sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh</p> <p>a) Đối tượng miễn phí thực hiện gói dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh cơ bản gồm đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội; người dân sống tại khóm, ấp đặc biệt khó khăn; xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới.</p> <p>b) Nội dung hỗ trợ:</p> <p>Khám, siêu âm, xét nghiệm (bao gồm cả chi phí lấy mẫu máu, gửi mẫu) cần thiết để thực hiện tầm soát chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế của Bộ Y tế quy định. Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập (Sàng lọc trước sinh cho bà mẹ mang thai: Xét nghiệm tầm soát 4 bệnh; Sàng lọc sơ sinh cho trẻ sau</p>	<p>- Thực hiện quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh đến năm 2030.</p> <p>- Công văn số 146/BYT-TCDS ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn đối tượng sử dụng gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí theo quy định tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Công văn số 243/VPUBND-KGVX ngày 13 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh An Giang về việc hướng dẫn đối tượng sử dụng gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí theo quy định tại Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 3845/QĐ-BYT ngày 11 tháng 08 năm 2021 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị sàng lọc trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ</p>

TT	Hướng dẫn tại Thông tư 26/2018/TT-BTC	Đề xuất điều chỉnh tại Nghị quyết HĐND	Lý giải
		<p>sinh: Xét nghiệm tầm soát 5 bệnh) và giá cước dịch vụ bưu điện;</p> <p>Chi gửi thông báo kết quả xét nghiệm sàng lọc của đối tượng (kể cả kết quả âm tính) theo giá cước dịch vụ bưu điện hiện hành (nếu có);</p> <p>Chi phí đi lại khi phải chuyển tuyến theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật và chỉ định của bác sĩ tại cơ sở khám chữa bệnh thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo thẩm quyền. Mức chi theo quy định tại Điều 5 Quy định này.</p>	<p>bản.</p> <p>- Quyết định số 498/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Ban hành kế hoạch hành động giai đoạn 2021- 2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh An Giang thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030.</p> <p>- Công văn hướng dẫn số 868/TCDS-KHTC, ngày 28/11/2019 của Tổng cục DS-KHHGD, định mức chi tại mục 2.1.1 Sàng lọc trước sinh và sơ sinh.</p>
	<p>Điểm i Khoản 1 Điều 7</p> <p>Chi cập thông tin về DS-KHHGD của hộ gia đình vào sổ ghi chép ban đầu về DS-KHHGD của cộng tác viên: 5.000đ/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại Sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới;</p>	<p>Điều 21. Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (sau đây viết tắt là KHHGD)</p> <p>7. Chi cập nhật thông tin về Dân số - KHHGD của hộ gia đình vào sổ ghi chép ban đầu (sổ Ao). Nội dung chi bao gồm:</p> <p>a) Chi in phiếu thu tin: 15 phiếu/địa bàn/năm. Giá in theo giá thực tế tại thời điểm.</p> <p>b) Chi cập nhật thông tin biến động vào sổ ghi chép ban đầu và phiếu thu tin: 5.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới.</p> <p>c) Chi phí thẩm định phiếu thu tin biến động: 500 đồng/phiếu thu tin.</p> <p>d) Chi phí cập nhật thông tin biến động từ phiếu</p>	<p>Công văn số 439/BYT-TCDS ngày 21/01/2015 về hướng dẫn thực hiện kế hoạch năm 2015 Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và kế hoạch hóa gia đình Phần III. Dự án 3. Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình</p> <p>3. Thông tin số liệu chuyên ngành dân số-KHHGD:</p> <p>3.1. Thu thập cập nhật thông tin:</p> <p>Đoạn thứ 3 từ trên xuống: Định mức phân bổ kinh phí trung ương hỗ trợ CTV thu thập, cập nhật thông tin là 5.000 đồng/phiếu thu tin. Hỗ trợ cán bộ DS-KHHGD cấp xã thẩm định thông tin tại Sổ A0 và Phiếu thu tin là: 500 đồng/phiếu thu tin bao gồm cả chi phí gửi phiếu thu tin lên cấp huyện.</p> <p>3.2. Duy trì và quảng trị kho dữ liệu điện tử DS-</p>

TT	Hướng dẫn tại Thông tư 26/2018/TT-BTC	Đề xuất điều chỉnh tại Nghị quyết HĐND	Lý giải
		thu tin vào kho dữ liệu: 1.000 đồng/phiếu thu tin.	<p>KHHGD:</p> <p>Hàng tháng, cán bộ DS-KHHGD huyện nhập thông tin từ phiếu thu tin vào kho dữ liệu điện tử. Định mức phân bổ kinh phí trung ương hỗ trợ cán bộ nhập thông tin là 1.000 đồng/phiếu thu tin.</p> <p>Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>(Điều 4. Mức chi, Mục b nhập dữ liệu phi cấu trúc, Mức chi nhập dữ liệu phi cấu trúc được tính theo trang dữ liệu, cụ thể như: Trang tài liệu chỉ gồm các chữ cái, chữ số: tối đa 9.500đ/trang)</p> <p>Hỗ trợ CTV 5.000 đồng/PTT/tháng là để cộng tác viên nâng cao vai trò và trách nhiệm trong việc kiểm tra, rà soát, thu thập, ghi chép thông tin biến động tại địa bàn và báo cáo lên cấp xã kịp thời trong tháng.</p> <p>Hỗ trợ CBCT Dân số 500 đồng/PTT/tháng là để CBCT Dân số nâng cao chất lượng thông tin trong việc kiểm tra, rà soát, đối chiếu thông tin, số liệu về Dân số-KHHGD hàng tháng tại cấp xã và báo cáo về cấp huyện kịp thời trong tháng.</p> <p>Hỗ trợ cán bộ nhập thông tin 1.000 đồng/phiếu thu tin là để nâng cao chất lượng thông tin trong việc đối chiếu số liệu với cấp xã và cập nhật thông tin biến động vào kho dữ liệu và chuyển dữ liệu về tỉnh kịp</p>

TT	Hướng dẫn tại Thông tư 26/2018/TT-BTC	Đề xuất điều chỉnh tại Nghị quyết HĐND	Lý giải
			thời.
	<p>Điểm a, khoản 5, điều 7. Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: 6.000 đồng/người</p>	<p>Điều 24. Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em 1. Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: thực hiện theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp (giấy biên nhận hoặc hóa đơn).</p>	<p>Căn cứ Điểm c, khoản 2, điều 37 của Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, có quy định chi mua các thực phẩm, dụng cụ để trình diễn thực hiện theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp (giấy biên nhận hoặc hóa đơn).</p> <p>Tỉnh An Giang có 7 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được áp dụng mức chi theo quy định này. Riêng với các xã phường còn lại việc áp dụng mức chi 6.000 đồng/người theo quy định tại Thông tư 26/2018/TT-BTC thì khó thực hiện do giá cả thị trường hiện nay tăng cao.</p> <p>Vì vậy xin đề xuất áp dụng mức chi “thực hiện theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp (giấy biên nhận hoặc hóa đơn)” cho địa bàn toàn tỉnh.</p>
	<p>Điểm d, khoản 1, điều 8</p>	<p>Điều 25. Dự án An toàn thực phẩm (sau đây viết tắt là ATTP) 1. Chi triển khai kỹ thuật và thẩm định phương pháp thử; triển khai phương pháp thử nghiệm quốc tế, khu vực, đánh giá chất lượng phòng kiểm nghiệm</p>	<p>Căn cứ theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO/IEC 17011:2007 ISO/IEC 17011:2004 về việc đánh giá sự phù hợp-yêu cầu chung đối với cơ quan công các tổ chức đánh giá sự phù hợp và Quy định về công nhận của văn phòng công nhận chất lượng tại mục 7.2 quy định Hiệu lực cho chứng Hiệu lực cho chứng chỉ công</p>

TT	Hướng dẫn tại Thông tư 26/2018/TT-BTC	Đề xuất điều chỉnh tại Nghị quyết HĐND	Lý giải
		e) Chi thuê đánh giá giám sát bên ngoài nhằm mở rộng, duy trì hệ thống ISO 17025:2017: mức chi thuê chuyên gia đánh, chi tiền vận chuyển cho chuyên gia vé xe, tàu, máy bay, taxi, ..., chi thuê phòng nghỉ các mức chi theo giá dịch vụ, theo quy định của pháp luật về giá.	<p>nhận theo ISO/IEC 17025 và ISO 15189 là 60 tháng.</p> <p>Nhằm duy trì chứng nhận ISO/IEC 17025 cần phải thuê đánh giá giám sát bên ngoài nhằm mở rộng, duy trì hệ thống ISO.</p> <p>Trên cơ sở đó đề xuất bổ sung “Chi thuê đánh giá giám sát bên ngoài nhằm mở rộng, duy trì hệ thống ISO 17025:2017: mức chi thuê chuyên gia đánh, chi tiền vận chuyển cho chuyên gia vé xe, tàu, máy bay, taxi, ..., chi thuê phòng nghỉ các mức chi theo giá dịch vụ, theo quy định của pháp luật về giá.”</p>
	<p>Điểm a Khoản 2 Điều 9</p> <p>a) Chi phụ cấp cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 500.000 đồng/người/tháng.</p>	<p>5. Dự án 5 - Phòng, chống HIV/AIDS</p> <p>Điều 26. Dự án Phòng, chống HIV/AIDS</p> <p>2. Chi triển khai can thiệp giảm tác hại và dự phòng lây nhiễm HIV</p> <p>a) Chi phụ cấp cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 1.300.000 đồng/người/tháng.</p>	<p><i>Nhân viên tiếp cận cộng đồng:</i> là những người trực tiếp tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV trong chương trình Phòng, chống HIV/AIDS, được cấp thẻ theo quy định của pháp luật, bao gồm tuyên truyền viên đồng đẳng và những người tình nguyện khác, không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp cận, tư vấn truyền thông thay đổi hành vi, cung cấp tài liệu truyền thông về phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các dịch vụ dự phòng, chăm sóc, điều trị. - Giới thiệu, chuyển gửi các đối tượng nguy cơ cao đến các dịch vụ: Tư vấn xét nghiệm tự nguyện; khám các bệnh lây truyền qua đường tình dục; dự phòng, chăm sóc, điều trị HIV/AIDS; điều trị các chất dạng thuốc phiện

TT	Hướng dẫn tại Thông tư 26/2018/TT-BTC	Đề xuất điều chỉnh tại Nghị quyết HĐND	Lý giải
			<p>- Phân phát vật dụng can thiệp (bao cao su, bơm kim tiêm,...) cho đối tượng nguy cơ cao như: phụ nữ mại dâm, tiêm chích ma túy, đồng tính nam, vợ/chồng/bạn tình người nhiễm,...</p> <p>- Ghi chép đầy đủ hồ sơ các khách hàng được tiếp cận theo quy định. Tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động và các báo cáo số lượng vật dụng cấp phát hàng tháng theo chỉ tiêu, quy định của chương trình</p> <p>Mức chi này đã được áp dụng từ giai đoạn 2016 – 2020, nhằm góp phần thực hiện tốt mục tiêu “Đến năm 2030, cơ bản chấm dứt dịch bệnh AIDS”, đạt hiệu quả các nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương “Về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”.</p>